

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CAO BẰNG  
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30/6/2022

V/v: *Tranh chấp về thay đổi*

*người trực tiếp nuôi con sau ly hôn*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG – TỈNH CAO BẰNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Na

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đỗ Đức Dũng

2. Ông Trịnh Văn Phương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia phiên toà:** Ông Nông Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Ngọc S – sinh năm 1984;

HKTT và chỗ ở hiện nay: Số 09A, tổ 03 khối 8, Khu tái định cư Mỹ Sơn, phường V, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Nơi làm việc: Công an xã Tri Phương, huyện T, tỉnh Lạng S.

“Có mặt”

**- Bị đơn:** Chị Lê Thị Ngọc B – sinh năm 1984

HKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ 04, phường H, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 16 tháng 12 năm 2021, Đơn khởi kiện (bổ sung) ngày 10 tháng 01 năm 2022, tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Ngọc S trình bày: Anh Nguyễn Ngọc S kết hôn với chị Lê Thị Ngọc B tự

nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn năm 2007. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, xác định vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên đã yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng giải quyết ly hôn. Tại Bản án số 131/2019/HNGĐ-ST ngày 22/8/2021 Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng công nhận sự tự nguyện ly hôn của hai bên; Về con chung: Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự, theo đó: giao hai con chung là cháu Nguyễn Ngọc T - sinh năm 2009 (giới tính nam) và cháu Nguyễn Ngọc N - sinh năm 2013 (giới tính nữ) cho chị Lê Thị Ngọc B được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu thành niên; anh Nguyễn Ngọc S có nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con với mức 1.700.000 đồng/01 cháu/tháng. Đến nay, anh S cho rằng chị B không đảm bảo và không làm trong trách nhiệm chăm nom, nuôi dưỡng các con bởi các lý do sau:

- Chị B không có thời gian dạy bảo, chăm sóc con chung do đặc thù công việc thường xuyên đi sớm, về muộn.

- Chị B không có nhà riêng, sống phụ thuộc bố mẹ và anh chị. Cuộc sống chung nhiều gia đình xảy ra tranh chấp, cãi vã giữa các con chung và các con của anh chị ruột.

Chính vì vậy, anh Nguyễn Ngọc S viết đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con với yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con chung. Đồng thời, ông không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Trong trường hợp không được quyền nuôi con anh S sẽ không cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng các con.

Tại Bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn Lê Thị Ngọc B trình bày: Bà cho rằng bà vẫn thực hiện đúng trách nhiệm, nghĩa vụ của người mẹ theo quyết định bản án. Bà vẫn đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung, đảm bảo sự phát triển bình thường của con chung. Đến tháng 3 năm 2021, do anh S là người không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quyết định Bản án đã có hiệu lực nên chị B làm đơn yêu cầu thi hành án, từ đó đến nay anh S đã gửi được tổng số tiền 13.400.00 đồng là tiền cấp dưỡng nuôi con. Theo chị B, tháng 7/2019 chị đã được tặng cho ngôi nhà 04 tầng, ngôi nhà trên chị cho thuê, còn ba mẹ con sinh sống cùng với bố mẹ đẻ và gia đình anh trai ruột. Hiện tại chị vẫn đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tốt, đảm bảo mọi điều kiện nuôi con, cuộc sống của con. Từ sau khi ly hôn cho đến nay, anh S không thăm nom, chăm sóc, hỏi thăm các con, anh S không làm tròn trách nhiệm của người bố. Do đó không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Ngọc S và đề nghị tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng các con chung.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành xác minh tại tổ dân phố nơi ở của ba mẹ con chị Lê Thị Ngọc B, xác minh điều kiện về chỗ ở hiện tại và quá trình sinh sống tại địa phương, xác minh các điều kiện về kinh tế, thu nhập... của anh S và chị B.

Đồng thời, tiến hành lấy ý kiến của 02 cháu Nguyễn Ngọc T và Nguyễn Ngọc N là con chung của anh S và chị B để tìm hiểu về tâm tư nguyện vọng của các cháu.

Tại phiên tòa, anh S vẫn giữ nguyên yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung, không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp không được nuôi cả hai con anh S yêu cầu được nhận nuôi cháu Nguyễn Ngọc T và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng. Trường hợp chị B vẫn trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu, anh S cho rằng anh sẽ không cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn chị B có ý kiến không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của anh S, chỉ cho rằng chị vẫn đủ điều kiện kinh tế, điều kiện chăm sóc nuôi dạy con, còn anh S không thăm nom, liên lạc với các con, anh S cũng kết hôn với người khác nên không thể đảm bảo được cuộc sống sau này của các con. Chị yêu cầu được nuôi cả hai con chung và vẫn giữ nguyên mức cấp dưỡng nuôi con 1.700.000 đồng/tháng/cháu cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Anh S xác nhận việc anh đã kết hôn với người vợ thứ hai, chưa tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, tuy nhiên anh khẳng định vẫn đảm bảo về kinh tế, sự yêu thương, chăm sóc con chung khi được nuôi con chung.

Do trong thời gian nghị án, chị B gửi đơn trình bày và đề nghị được thay đổi ý kiến, theo đó chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dạy cả hai con chung và không yêu cầu anh S đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử quyết định trở lại phần tranh luận, anh S có ý kiến: Trong trường hợp chị B là người trực tiếp nuôi hai con, anh nhất trí việc không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia tố tụng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

\* Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật; tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

\* Về việc giải quyết vụ án: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng thấy rằng anh Nguyễn Ngọc S hiện đang công tác tại Công an huyện T, công việc đặc thù, thường xuyên phải trực nghiệp vụ, không thường xuyên trực tiếp chăm sóc, nuôi dạy con chu đáo, ảnh hưởng đến sức khỏe, tinh thần, sự nghiệp phát triển của các con.

Đối với chị Lê Thị Ngọc B là người hiện tại trực tiếp nuôi con chung, chị B có công việc ổn định, có điều kiện kinh tế. Sau khi ly hôn anh S không thăm gặp các con, chị B và gia đình luôn đảm bảo đầy đủ điều kiện trực tiếp trông nom,

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thường xuyên chăm sóc các cháu. Hai cháu N và T đều có nguyện vọng được sống cùng chị B.

Như vậy, theo quy định tại điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình thì việc anh S yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con là không có căn cứ.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 81, 82, 83, 84, 107, 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị xử không chấp nhận yêu cầu theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Ngọc S đối với việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

- Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử ra bản án đúng quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, bị đơn chị Lê Thị Ngọc B có hộ khẩu thường trú tại phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng. Nên căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng

[2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về điều kiện chỗ ở của ba mẹ con chị B sinh sống: Qua xác minh tại tổ trưởng tổ dân phố và bố mẹ đẻ của chị B đều xác nhận, hiện nay chị B và hai con đang sống cùng bố mẹ đẻ chị B là ông Lê Văn O, bà Trần Thị B, gia đình anh trai là Lê Anh D. Tổng cộng có 10 người cùng sinh sống trong ngôi nhà 03 tầng, điều kiện cơ sở vật chất đảm bảo sinh hoạt của các thế hệ trong gia đình; trong quá trình chung sống bố mẹ, con cái trong gia đình có nề nếp, quy củ, hòa thuận, đoàn kết. Không có mâu thuẫn xảy ra, việc đưa đón, chăm sóc con chung do chị B thực hiện với sự hỗ trợ của bố mẹ đẻ và giúp đỡ cả về kinh tế. Theo ghi nhận tại chính quyền địa phương, gia đình chị B luôn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, không có vi phạm quy định của tổ dân phố.

Về tài sản riêng của chị B: Qua xác minh, chị Lê Thị Ngọc B được bố mẹ đẻ là ông Lê Văn O, bà Trần Thị B và anh trai là ông Lê Anh D tặng cho 01 ngôi nhà 04 tầng tại địa chỉ: Tổ 27 ( nay là tổ 04), phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, việc tặng cho được lập thành Hợp đồng tại Văn phòng Công chứng Sông Hiến ngày 31/7/2019. Xét thấy đây là việc tặng cho tài sản hợp pháp giữa bố mẹ đẻ, anh trai của chị B cho chị B. Chị B có quyền sở hữu đối với

nhà, quyền sử dụng với đất tại địa chỉ nêu trên. Hiện nay, do chưa sử dụng nên chị B cho thuê với giá 9.000.000 đồng/1 tháng. Ngoài ra chị B còn có 02 sổ tiết kiệm hiện vẫn còn thời hạn.

Về điều kiện của anh S: Anh S hiện đang sống cùng bố mẹ đẻ là ông Nguyễn Văn Đ, bà Hoàng Thị T tại khu tái định cư Mỹ Sơn, phường V, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn; anh S là con duy nhất trong gia đình nên sẽ được hưởng toàn bộ tài sản của bố mẹ, trong trường hợp được nuôi con, ông bà sẽ hỗ trợ việc chăm sóc các cháu.

Về mức thu nhập hàng tháng: Qua các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện, bình quân hàng tháng anh Nguyễn Ngọc S có mức lương là 13.836.000 đồng/1 tháng; chị Lê Thị Ngọc B là 10.375.000 đồng/1 tháng. Vậy, hai bên đương sự đều có công việc và thu nhập ổn định gần ngang nhau, đều có thể đảm bảo được cuộc sống của các con chung.

Như vậy, Hội đồng xét xử nhận định rằng: Địa phương nơi anh Nguyễn Ngọc S và chị Lê Thị Ngọc B sinh sống đều là nơi trung tâm kinh tế, văn hóa của hai tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn, có trình độ phát triển kinh tế xã hội nhất định và cả hai bên đương sự đều đảm bảo về mặt kinh tế, cơ sở vật chất để nuôi dạy các con chung.

Xét về nguyện vọng của các con chung: Tại biên bản lấy ý kiến của cháu Nguyễn Ngọc T và cháu Nguyễn Ngọc N và tại phiên tòa, đều thể hiện rằng cháu T, cháu N hiện đang học tập trên địa bàn phường H, thành phố Cao Bằng và xác nhận mẹ là người chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu, từ sau khi ly hôn, bố cháu không lo lắng, thăm nom, liên lạc với các cháu và các cháu đều muốn mẹ là người trực tiếp nuôi dưỡng như hiện nay.

Để đảm bảo sự phát triển toàn diện về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử nhận định: Sau khi có bản án 131/2019/HNGĐ –ST ngày 22/8/2019, hai con chung là Nguyễn Ngọc T và Nguyễn Ngọc N do chị B trực tiếp nuôi dưỡng, cuộc sống đang diễn ra ổn định, các con được đảm bảo cho sự phát triển về thể chất và tinh thần; chị B vẫn thực hiện tốt việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung; hiện tại anh S đã kết hôn với người khác, anh S phải quan tâm, chăm sóc cuộc sống riêng của mình. Nếu thay đổi môi trường sống của hai cháu sẽ gây ảnh hưởng đến cuộc sống và tâm sinh lý của trẻ.

Ngoài ra, cần phải xem xét đến nguyện vọng của các cháu đều muốn sinh sống cùng mẹ là chị Lê Thị Ngọc B, đây là mong muốn tự nguyện của các con chung trong vụ án này. Như vậy, Hội đồng xét xử nhận định: nếu chia tách hai con chung, anh S và chị B mỗi người cùng nuôi dạy một cháu cũng sẽ làm xáo trộn, ảnh hưởng đến cuộc sống của chính các con, ảnh hưởng đến tâm lý và tình cảm của hai anh em T và N. Đồng thời, theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, vụ án không thuộc trường hợp thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

Về cấp dưỡng: Do các đương sự không đặt ra vấn đề giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Ngọc S về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

Tiếp tục giao 02 con chung tên là Nguyễn Ngọc T – sinh ngày 05/01/2009 và cháu Nguyễn Ngọc N – sinh ngày 17/5/2013 cho chị Lê Thị Ngọc B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Các bên không đặt ra vấn đề nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Ngọc S và chị Lê Thị Ngọc B đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: anh Nguyễn Ngọc S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh S đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003122 ngày 15 tháng 02 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Anh S đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt khi tuyên án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Na**